

Số: 09/2022/QĐST-DS

ĐT, ngày 30 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 147, Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 12; khoản 7 Điều 26; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 8 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 67/2022/TLST- DS ngày 12 tháng 7 năm 2022.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP X .Địa chỉ: 25 Bis N, phường BN, quận 1, thành phố HCM.

- Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Quốc T – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

- Người đại diện theo ủy quyền: ông Đặng Xuân A – Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Quảng Ninh – Ngân hàng TMCP X

- Người được ông Đặng Xuân A ủy quyền lại:

+ Ông Phạm Hoàng M – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ - trung tâm xử lý nợ miền Bắc - Ngân hàng TMCP X.

+ Ông Đặng Anh Đ – Chức vụ: Chuyên viên quan hệ khách hàng – PGD MK.

(Theo giấy ủy quyền số 01/2022/TTXLNQ ngày 15/6/2022 của Ngân hàng TMCP X)

Bị đơn:

- Ông Lê Công C, sinh năm 1957 và bà Vũ Thị T, sinh năm 1959.

Cùng địa chỉ: tổ 4, khu ĐK, phường MK, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về việc thực hiện hợp đồng:

Các bên đương sự thống nhất chấm dứt Hợp đồng tín dụng số 14446.01/19MB/HĐTD ngày 04/12/2019 và KUNN số: 14446.01/19MB/HĐTD/KUNN01 ngày 05/12/2019 và Hợp đồng tín dụng số: 14446.02/19MB/HĐTD ngày 04/12/2019 và KUNN số: 14446.02/19MB/HĐTD/KUNN01 ngày 05/12/2019 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh với ông Lê Công C và bà Vũ Thị T.

2.2. Về nghĩa vụ trả nợ:

- Tính đến ngày 30/9/2022 ông Lê Công C và bà Vũ Thị T phải liên đới trả nợ ngân hàng TMCP X như sau:

+ Ông Lê Công C và bà Vũ Thị T phải trả ngay cho Ngân hàng TMCP X tổng số nợ theo Hợp đồng tín dụng số: 14446.01/19MB/HĐTD ngày 04/12/2019 và KUNN số: 14446.01/19MB/HĐTD/KUNN01 ngày 05/12/2019 tính đến ngày 22/08/2022 số tiền: **297.050.794^d** (Hai trăm chín bảy triệu, không trăm năm mươi nghìn, bảy trăm chín tư đồng), trong đó: nợ gốc là 240.000.000^d (hai trăm bốn mươi triệu đồng); nợ lãi là: 38.506.630^d (ba mươi tám triệu năm trăm linh sáu nghìn sáu trăm ba mươi đồng); nợ lãi quá hạn là: 18.544.164^d (mười tám triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn một trăm sáu mươi tư đồng) và tiền lãi, phí phát sinh theo HĐTD đã ký kết cho đến khi ông Lê Công C và bà Vũ Thị T hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho ngân hàng X

+ Ông Lê Công C và bà Vũ Thị T phải trả ngay cho Ngân hàng TMCP X tổng số nợ theo Hợp đồng tín dụng số: 14446.02/19MB/HĐTD ngày 04/12/2019 và KUNN số: 14446.02/19MB/HĐTD/KUNN01 ngày 05/12/2019 tính đến ngày 22/08/2022 số tiền: **565.490.914^d** (Năm trăm sáu năm triệu, bốn trăm chín mươi nghìn, chín trăm mười bốn đồng), trong đó: nợ gốc là 461.540.000^d (bốn trăm sáu mươi một triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng); nợ lãi là: 86.879.458^d (tám mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi tám đồng); lãi quá hạn là 17.071.456^d (mười bảy triệu không trăm bảy mươi một nghìn bốn trăm năm mươi sáu đồng); và tiền lãi, phí phát sinh theo HĐTD đã ký kết cho đến khi ông Lê Công C và bà Vũ Thị T hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho ngân hàng X.

+ Kể từ ngày 23/08/2022 ông Lê Công C và bà Vũ Thị T còn phải trả tiền cho Ngân hàng TMCP X tiền lãi, lãi phạt phát sinh theo HĐTD 14446.01/19MB/HĐTD ngày 04/12/2019 và HĐTD số 14446.02/19MB/HĐTD ngày 04/12/2019 cho đến khi ông Lê Công C và bà Vũ Thị T thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

+ Đến hết ngày 30/9/2022 ông Lê Công C và bà Vũ Thị T chưa trả được cho ngân hàng Gốc và lãi cũng như các lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số: 14446.01/19MB/HĐTD ngày 04/12/2019 và HĐTD số 14446.02/19MB/HĐTD ngày 04/12/2019 thì Ngân hàng có quyền cơ quan Thi hành án dân sự Thị xã ĐT phát mại tài sản theo HĐTC số 14446/19MB/HĐBĐ ngày 04/12/2019.

2.3. Về án phí:

- Bị đơn ông Lê Công C và bà Vũ Thị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí theo quy định pháp luật. Ông Lê Công C và bà Vũ Thị T thuộc trường hợp người cao tuổi được miễn nộp tiền án phí đối với phần mà người thuộc trường hợp được miễn phải chịu theo quy định. Ông Lê Công C và bà Vũ Thị T phải chịu án phí mà ông Lê Công C và bà Vũ Thị T nhận nộp thay nguyên đơn số tiền là 9.469.063^d (chín triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn không trăm sáu mươi ba đồng).

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.545.000^d (mười tám triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009599 ngày 12/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh.

2. 4. Về chi phí tố tụng khác:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Ông Lê Công C và bà Vũ Thị T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ngân hàng TMCP X đã nộp tạm ứng số tiền xem xét, thẩm định tại chỗ nêu trên. Do đó, ông Lê Công C và bà Vũ Thị T phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP X số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Kể từ ngày Ngân hàng TMCP X có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Lê Công C và bà Vũ Thị T không trả số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã ĐT;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS thị xã ĐT,
- Lưu HS; Lưu VP.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Văn Năm